

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2020

"V/v không công nhận vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phúc Ân và ông Nguyễn Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở tòa án thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980.

- Bị đơn: Anh Đồng Bá H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu dân cư Khê Khẩu, phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H đều trình bày thống nhất nội dung sau: Anh chị tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 09-12-1996 âm lịch (khoảng tháng 2 năm 1997 dương lịch), có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn do chị M chưa đủ tuổi kết hôn. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau tại khu dân cư Khê Khẩu, phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị M có mâu thuẫn với mẹ đẻ anh H, bản thân anh H mãi chơi, không chịu làm ăn. Khi biết có mâu thuẫn giữa vợ và mẹ đẻ mình anh H đã không hòa giải dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Chị M dọn ra ở nhà đất của bố mẹ đẻ cùng thôn, vợ chồng ly thân. Anh H có ra xin lỗi và vợ chồng sống chung thêm với nhau được khoảng 3 năm thì lại mâu thuẫn. Anh H về nhà ở, vợ chồng ly thân từ năm 2008 đến nay. Anh H và chị M không quan

tâm đến nhau, mỗi người tự lập cuộc sống riêng của mình. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng và không đoàn tụ được. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, anh H đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đồng Bá M, sinh ngày 22-02-1998 và Đồng Bá Anh Q, sinh ngày 03-8-2007. Hiện cháu M đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe M nên anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Q, chị M và anh H thống nhất để chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị M tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh với trưởng khu dân cư Khê Khẩu, phường Văn Đức cung cấp: Anh H và chị M chung sống với nhau từ cuối năm 1996 (âm lịch) không đăng ký kết hôn do lúc ấy chị M chưa đủ tuổi. Gia đình 2 bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Chung sống với nhau được khoảng 10 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị không hợp nhau, vợ chồng cãi nhau liên tục và ly thân từ năm 2008. Chị M dọn ra ở nhà đất của bố mẹ đẻ chị ấy, vợ chồng mỗi người tự ổn định cuộc sống, không liên quan gì đến nhau. Nay chị M xin ly hôn, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND phường Văn Đức và phòng tư pháp thành phố Chí Linh xác định không có tên chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H trong sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ từ năm 1996 đến nay.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147, khoản 1 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, xử.

- Quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Giao con chung Đồng Bá Anh Q, sinh ngày 03-8-2007 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của tòa án. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Đối với con chung Đồng Bá M, sinh ngày

22-02-1998 đã trên 18 tuổi trưởng thành khỏe mạnh, hiện đang lao động tại Đài Loan nên các đương sự đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn đối với anh Đồng Bá H có địa chỉ cư trú tại khu dân cư Khê Khẩu, phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] .Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H chung sống với nhau tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Việc anh chị chung sống với nhau nhiều người biết. Như vậy xác định hôn nhân giữa hai anh chị là không hợp pháp, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi về chung sống với nhau anh chị đã có thời gian dài hoà thuận và có con chung. Từ năm 2008 anh chị mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh chị có yêu cầu ly hôn Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Đối với con chung Đồng Bá M, sinh ngày 22-02-1998 đã trên 18 tuổi trưởng thành khỏe M, hiện đang lao động tại Đài Loan nên các đương sự đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét. Còn đối với cháu Đồng Bá Anh Q, chị M và anh H thống nhất thỏa thuận để chị M tiếp tục nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu cũng muốn được tiếp tục ở với mẹ, địa phương cũng xác nhận việc cháu Q đang ở cùng mẹ học tập và sinh sống ổn định. Nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh H và chị M. Giao con chung Đồng Bá Anh Q, sinh ngày 03-8-2007 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của tòa án. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Giao con chung Đồng Bá Anh Q, sinh ngày 03-8-2007 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của tòa án. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Đối với con chung Đồng Bá M, sinh ngày 22-02-1998 đã trên 18 tuổi trưởng thành khỏe mạnh, hiện đang lao động tại Đài Loan nên các đương sự đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

Anh Đồng Bá H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chị M đã nộp số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006426 ngày 13-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Đồng Bá H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- UBND phường Văn Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng